

LỜI TỰA CỦA ĐIỀU PHỐI VIÊN THƯỜNG TRÚ LIÊN HỢP QUỐC

Tháng Sáu 2003

Tài liệu này là một phần trong loạt bài thảo luận liên tục của Nhóm các Tổ chức Liên hợp quốc ở Việt Nam. Dựa vào thông tin chuyên môn kỹ thuật thực chất và đa dạng của các cơ quan Liên hợp quốc ở trong nước, những bài viết này xem xét một loạt các vấn đề phát triển mang tính ưu tiên ở Việt Nam, đồng thời đưa ra tổng quan về các thách thức và cơ hội tiềm ẩn trong việc ứng phó với những vấn đề chủ chốt này. Các bài viết nhằm mục đích thúc đẩy thảo luận trong nỗ lực hiện tại tìm cách đưa ra biện pháp chính sách cần thiết để giải quyết những vấn đề này.

Tài liệu thảo luận này với tiêu đề Thách thức về Việc làm cho Thanh niên ở Việt Nam là tài liệu thứ ba trong loạt bài hiện có. Tài liệu thứ nhất xem xét về Hội nhập Kinh tế Quốc tế của Việt Nam, Khả năng Cạnh tranh và đời sống ở Nông thôn (tháng Tư 2002), và tài liệu thứ hai xem xét các vấn đề cấp thiết về y tế và vấn đề tài chính trong y tế (tháng Sáu 2003). Để xem toàn bộ loạt tài liệu thảo luận này, xin mời thăm trang web theo địa chỉ www.un.org.vn.

Chiến lược Phát triển Thanh niên tới năm 2010 mới được Chính phủ Việt Nam phê chuẩn xác định vấn đề thất nghiệp là khó khăn lớn nhất mà thanh niên Việt Nam hiện đang phải đối mặt. Chiến lược Thanh niên cũng thừa nhận sự cần thiết phải có hành động chính trị để giảm thiểu tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm trong thanh niên đồng thời xúc tiến tạo thu nhập cho giới trẻ nhằm mục đích xoá nghèo và cải thiện đời sống thanh niên ở vùng nông thôn cũng như đô thị. Trong bối cảnh đó, Liên hợp quốc đang đặc biệt tập trung chương trình vào đối tượng thanh niên Việt Nam. Là sản phẩm đầu tiên của sự hợp tác chung giữa các tổ chức Liên hợp quốc tại Việt Nam, tài liệu thảo luận này tập trung đề cập các thách thức về việc làm cho thanh niên. Chúng tôi tin rằng tài liệu này sẽ góp phần phát huy nỗ lực mới để vượt qua một số những trở ngại và khó khăn hiện tại trong nền kinh tế trong nước và thị trường lao động Việt Nam.

Trong khi Việt Nam nỗ lực để đạt được các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ trong thập niên tới, việc làm cho thanh niên là một thách thức lớn đòi hỏi phải có nỗ lực tập thể của cả cộng đồng trong nước và quốc tế trên tinh thần đối tác toàn cầu. Toàn bộ đội ngũ các tổ chức Liên hợp quốc tại Việt Nam tin tưởng rằng tương lai thuộc về giới trẻ, và rằng càng ngày giới trẻ Việt Nam càng trở nên những thành viên tham gia tích cực tạo hình cho sự phát triển của đất nước.

Jordan Ryan

Điều phối viên Thường trú Liên hợp quốc

Lời cảm ơn

Tài liệu thảo luận này do Văn phòng Tổ chức Lao động Quốc tế tại Việt Nam và Văn phòng tiểu khu vực Đông á chủ trì soạn thảo với sự hợp tác của các thành viên thuộc các tổ chức Liên hiệp quốc tại Việt Nam.

Tóm Tắt

Liên hiệp quốc ước tính rằng cứ năm người thì có một người trong độ tuổi từ 15 tới 24. Thanh niên là tương lai của thế giới và đầu tư vào giới trẻ phải là một phần không thể thiếu trong chương trình nghị sự phát triển toàn cầu. Chỉ tiêu 16 trong Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ 8 kêu gọi đối tác toàn cầu để vượt qua những cản trở về việc làm cho thanh niên và thực hiện việc làm đàng hoàng và hữu ích cho thanh niên.

Mặc dù có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, Việt Nam vẫn đối mặt với một số thách thức về việc làm, nhất là việc làm cho thanh niên. Thanh niên - những người trong độ tuổi 15 tới 24 chiếm 25,2 phần trăm tổng lực lượng lao động năm 1999, ước tính hiện tại có khoảng 1,4 triệu thanh niên tìm việc gia nhập thị trường lao động hàng năm. Cần phải có hành động chính trị để tạo việc làm có ý nghĩa cho thanh niên.

Tài liệu thảo luận này xem xét tình hình việc làm cho thanh niên và những vấn đề về thất nghiệp và thiếu việc làm trong thanh niên Việt Nam. Tài liệu cũng đề đạt một số khuyến nghị và chính sách để có hành động hỗ trợ việc làm cho thanh niên. Khuôn khổ hành động dựa trên những yếu tố như: đủ khả năng làm việc, cơ hội bình đẳng, năng lực kinh doanh, tạo việc làm và tham gia việc làm.

BẢNG CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ

Thanh niên: Theo định nghĩa của Liên hợp quốc, thanh niên là những người trong độ tuổi từ 15 đến 24.

Lực lượng lao động: Dân số có hoạt động kinh tế gồm tất cả những người thuộc cả hai giới tính mà trong một giai đoạn tham chiếu cụ thể cung cấp lao động cho việc sản xuất ra hàng hoá và dịch vụ, như được xác định theo hệ thống tài khoản và cán cân quốc gia (SNA) của Liên hợp quốc. Dân số có hoạt động kinh tế được xác định hoặc theo hoạt động hiện tại (tuần trước hay giai đoạn tham chiếu ngắn) hoặc theo hoạt động thông thường (năm ngoài hay giai đoạn tham chiếu dài). Dân số có hoạt động kinh tế hiện tại hay lực lượng lao động gồm cả những người có việc làm và thất nghiệp trong giai đoạn tham chiếu ngắn. Do đó, lực lượng lao động (LF/Labour force) = số người có việc làm (E/Employed) + số người thất nghiệp (U/Unemployed). Theo ILO, lực lượng lao động gồm những người có hoạt động kinh tế trên 15 tuổi. (Tổng cục Thống kê Việt Nam xác định tuổi lao động là 15-60 cho nam giới và 15-55 cho nữ giới.)

Có việc làm: Những người mà trong khoảng thời gian của giai đoạn tham chiếu có thực hiện việc làm lấy tiền công, lương, lợi nhuận hoặc lợi ích gia đình bằng tiền mặt hoặc hiện vật và những người không được trả công nhưng tham gia hoạt động kinh tế như được xác định trong SNA với thời gian tối thiểu là một giờ trong giai đoạn tham chiếu. Ở đây bao hàm cả những người đang trong hoạt động kinh tế cũng như những người thôi việc hoặc vắng mặt trong giai đoạn tham chiếu nhưng vẫn có quan hệ lao động và được bảo đảm quay trở lại làm việc.

Thất nghiệp: Những người mà trong một giai đoạn cụ thể (i) không có việc làm, nghĩa là không có việc làm được trả lương hoặc việc làm tự tạo, (ii) hiện tại sẵn sàng để đi làm việc được trả công hoặc việc làm tự tạo, và (iii) đang đi tìm việc làm thông qua những bước chủ động. Định nghĩa “lỏng” về thất nghiệp chỉ bao hàm phần (i) và (ii) kể trên. Một số người thất nghiệp không có điều kiện tích cực tìm việc do tình hình việc làm hiện tại khó khăn.

Thiếu việc làm trong hoạt động hiện thời được xác định là dưới 40 tiếng làm việc trong tuần tham chiếu trong khi sẵn sàng làm thêm giờ. Số liệu ở đây là với hoạt động *thông thường tương ứng với giai đoạn tham chiếu gồm 12 tháng. Trong trường hợp này* người thiếu việc làm được xếp vào loại có hoạt động kinh tế vì họ làm việc hơn 183 ngày trong giai đoạn tham chiếu một năm. Tuy nhiên, họ thiếu việc làm vì thời gian họ làm việc ít hơn 250 ngày trong khi họ sẵn sàng làm thêm nhiều ngày hơn thế. Một nguyên nhân dẫn tới tỷ lệ thiếu việc làm cao ở nông thôn là tính thời vụ của việc làm nông nghiệp.

Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động: Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động là thước đo về mức độ mà dân số trong độ tuổi lao động có hoạt động kinh tế hay về quy mô tương đối của nguồn cung lao động. Nó là tỷ số giữa số người trong lực lượng lao động so với số người trong độ tuổi lao động, thể hiện dưới dạng phần trăm với các nhóm tuổi tương ứng.

Tỷ lệ thất nghiệp: Tỷ lệ thất nghiệp là tỷ số giữa những người thất nghiệp với dân số có hoạt động kinh tế hoặc lực lượng lao động của cùng một nhóm tuổi, được thể hiện dưới dạng phần trăm.

Tỷ lệ thất nghiệp = U/LF hoặc $U/(E+U)$

Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên: Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên liên hệ số nam và nữ thất nghiệp trong nhóm tuổi 15-24 (YU) với dân số có hoạt động kinh tế hoặc lực lượng lao động của nhóm tuổi tương ứng (YLF).

Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên = YU/YLF

Nguồn: Để có những khái niệm cơ bản, tiêu chuẩn quốc tế và hướng dẫn ICLS về số liệu thống kê lao động xin mời xem trang web của Văn phòng thống kê của ILO tại địa chỉ: <http://www.ilo.org/public/english/bureau/stat/res/index.htm>.

MỤC LỤC

1. 1. Giới thiệu
2. 2. Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ
3. 3. Tình hình việc làm ở Việt Nam
4. 4. Thất nghiệp và thiếu việc làm
5. 5. Sự tham gia của thanh niên
6. 6. Khuyến nghị chính sách về phát triển việc làm cho thanh niên
 - - *Nâng cao khả năng làm việc*
 - - *Đảm bảo bình đẳng giới*
 - - *Khả năng kinh doanh*
 - - *Tạo việc làm*
7. 7. Tài liệu tham khảo

NHỮNG THÁCH THỨC VỀ VIỆC LÀM CHO THANH NIÊN Ở VIỆT NAM

Hà Nội, tháng Sáu 2003

1 1 Giới thiệu

Theo ước tính của Liên hợp quốc trên thế giới hiện có khoảng hơn 1 tỷ thanh niên. Điều này có nghĩa là cứ khoảng năm người thì có một người nằm trong độ tuổi 15-24. Khoảng 85 phần trăm số người này sống ở các nước đang phát triển và tới năm 2020, tỷ lệ này sẽ đạt 89 phần trăm. Khoảng 60 phần trăm thanh niên sinh sống ở châu á.

Thanh niên là tương lai của thế giới. Cho nên, những vấn đề mà thanh niên phải đối mặt cần phải được quan tâm chú ý trong chương trình nghị sự về phát triển. Điều quan trọng là phải nhận thức rằng không có “duy nhất một” thanh niên. Thanh niên có nhiều thành phần, kinh nghiệm, giới tính, giai cấp xã hội và sắc tộc khác nhau. Sự khác biệt về kinh nghiệm và nhu cầu cụ thể giúp xác định tính dễ bị tổn thương của các nhóm khác nhau, và do đó các chính sách và chương trình cần phải nhằm đối tượng thật sát nếu muốn hiệu quả.

Đầu tư vào việc làm cho thanh niên không chỉ đem lại hy vọng và phẩm giá cho những người trẻ tuổi mà còn tránh được cái giá phải trả rất cao mà toàn bộ xã hội phải gánh chịu chonhững gì đi liền với thất nghiệp như cảm giác bị xa lánh và chán nản.

Tỷ lệ thất nghiệp cao trong thanh niên phản ánh một trở ngại lớn đối với sự phát triển của các nước có thu nhập thấp. Tuy nhiên, điều thường không thể hiện trong các con số thống kê là mức độ thiếu việc làm của nữ và nam thanh niên. Một số người làm việc với số thời gian ít hơn so với họ mong muốn và những người khác làm việc rất nhiều giờ nhưng thu nhập lại không được bao nhiêu. Ở các nước đang phát triển là nơi mà trợ cấp xã hội thường rất ít ỏi hoặc hầu như không có, thanh niên thường buộc phải làm những việc tạm bợ để tồn tại qua ngày với năng suất thấp trong nền kinh tế phi kết cấu, họ rất ít có cơ hội thoát ra khỏi vòng đói nghèo. Nói chung, điều này dẫn tới mức sống thấp và thu hẹp khả năng lựa chọn do thu nhập thấp, thiếu an ninh việc làm và bảo trợ xã hội. Nó cũng thường đi kèm với điều kiện làm việc kém, không có ‘tiếng nói’ và sự đại diện phù hợp. Chú trọng vào các nỗ lực tạo việc làm cho thanh niên có thể giúp đảo ngược lại những xu hướng này và đánh dấu sự khởi đầu của việc tham gia lực lượng lao động tích cực và hữu ích đi liền với thúc đẩy hoà nhập xã hội.

2 Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDGs)

Tháng Chín 2000, 147 người đứng đầu nhà nước và chính phủ các nước và 189 quốc gia tụ họp cùng tham gia Hội nghị Thượng đỉnh Thiên niên kỷ để xem xét vai trò và thách thức của Liên hợp quốc trong thế kỷ 21.2 Tuyên bố Thiên niên kỷ là kết quả của hội nghị đưa ra khuôn khổ 8 mục tiêu, với 18 chỉ tiêu và 48 chỉ số để đo tiến bộ đạt được. “Các mục tiêu phát triển đề ra trong Tuyên bố Thiên niên kỷ thể hiện quyết tâm của các nhà lãnh đạo trên thế giới nhằm giải phóng ‘đàn ông, phụ nữ và trẻ em, đồng bào của họ, khỏi những điều kiện khốn khổ và hạ thấp phềm giá con người của cảnh nghèo cùng cực, biến quyền phát triển thành ‘hiện thực cho tất cả mọi người’ và giải phóng ‘toàn thể nhân loại khỏi sự thiếu thốn’.

Các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ đề ra khuôn khổ để toàn bộ hệ thống Liên hợp quốc cùng phối hợp hành động để hướng tới mục đích chung là cải thiện điều kiện sống và mở rộng lựa chọn cho người dân các nước đang phát triển thông qua tăng

trường kinh tế bền vững và có lợi cho người nghèo. Việc làm cho thanh niên là một phần hữu c gắn liền trong khuôn khổ này.

Theo Báo cáo Thiên niên kỷ của Tổng Thư ký Liên hợp quốc, thế giới đang đối mặt với thách thức lớn về thất nghiệp trong thanh niên — và tình hình có khả năng còn khó khăn hơn với mức tăng đáng kể về số người trẻ mới gia nhập thị trường lao động. Nguyên nhân một phần là do không đủ tổng cầu và không đủ tổng cung. Về phía cầu, vấn đề là các nền kinh tế tăng trưởng thấp không có khả năng tạo ra đủ cơ hội việc làm để sử dụng thanh niên của chính nền kinh tế đó. Tuy nhiên, một số ngành có thể có tổng cầu lớn trong phạm vi kinh tế toàn cầu và trong thị trường xuất khẩu tiềm năng, nhưng các nước đang phát triển lại bị cản trở do chính sách thương mại theo kiểu bảo hộ của các nước phát triển. Điều này đặc biệt đúng với ngành nông nghiệp và cũng đúng với một số ngành sử dụng nhiều lao động khác.

Về phía cung, vấn đề thách thức các nước đang phát triển là việc xây dựng nền kinh tế trong nước, với việc làm và thu nhập có ý nghĩa thông qua cả thị trường xuất khẩu và thị trường trong nước, thường bị hạn chế bởi tình trạng thiếu năng lực về nguồn nhân lực cần có để cạnh tranh ở thị trường giá trị gia tăng cao (nhất là chế biến, chế tác và dịch vụ là những ngành mà việc làm và thu nhập thường có thù lao tốt hơn).

Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ 8, “Xây dựng đối tác toàn cầu vì sự phát triển,” gồm Chỉ tiêu 16, kêu gọi đối tác toàn cầu để vượt qua các trở ngại việc làm thanh niên và để “hợp tác với các nước đang phát triển, hình thành và thực hiện chiến lược *tạo việc làm hàng hoàng với năng suất cao cho thanh niên.*” *Các chiến lược sẽ được hình thành và thực hiện để đem lại cho thanh niên ở mọi nơi một cơ hội thực sự để tìm việc làm hàng hoàng với năng suất cao.* Chỉ số tương ứng của chỉ tiêu này là tỷ lệ thất nghiệp của những người trong độ tuổi 15-24, chia theo giới.

Để biến những cam kết của Hội nghị Thiên niên kỷ thành hành động các â nhà lãnh đạo trên thế giới được khuyến khích nên làm việc chặt chẽ với thanh niên và tích hợp các hành động tạo việc làm cho thanh niên thành một chính sách việc làm toàn diện. Thanh niên cần phải được nhìn nhận như đối tác của sự phát triển chứ không phải là các nhóm đối tượng.

Nghị quyết về xúc tiến việc làm thanh niên được Ủy ban thứ ba của Đại hội đồng Liên hợp quốc phê chuẩn vào ngày 17 tháng Mười 2002.9 Nghị quyết này khuyến khích các quốc gia thành viên chuẩn bị các bản đánh giá và kế hoạch hành động quốc gia về việc làm cho thanh niên. Nghị quyết cũng mời Tổ chức Lao động Quốc tế, Liên hợp quốc và Ngân hàng Thế giới thực hiện phân tích đánh giá toàn cầu về tiến bộ đạt được trong việc soạn thảo đánh giá, kế hoạch hành động quốc gia, đồng thời giao nhiệm vụ cho Mạng lưới Việc làm Thanh niên của Tổng Thư ký¹⁰ xây dựng các đối tác mới và tìm giải pháp cho thách thức về việc làm thanh niên.

Việt Nam hoàn thành Chiến lược Toàn diện về Tăng trưởng và Xoá đói Giảm Nghèo (CPRGS) vào tháng Năm 2002. Chiến lược nhấn mạnh sự cần thiết phải mở rộng đào tạo dạy nghề cho thanh niên nông thôn cũng như cơ chế hỗ trợ chi phí cho các cơ sở đào tạo dạy nghề ở cấp địa phương. Các hiệp hội xã hội như thanh niên tình nguyện, hội học sinh, sinh viên được khuyến khích thực hiện giáo dục và thông tin cho người dân ở nông thôn. Ngoài ra, chiến lược còn khuyến nghị rằng trong khuôn khổ tạo dựng một hệ thống giáo dục bình đẳng và chất lượng cao cho người dân cần có các chính sách khuyến khích và tạo điều kiện cho thanh niên nông thôn được học tập và tìm việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp.

3 Tình hình việc làm ở Việt Nam

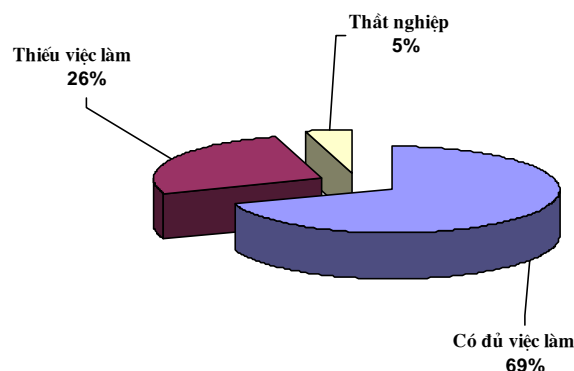
Việt Nam đang trong quá trình đổi mới kinh tế, chuyển từ hệ thống quản lý kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường dưới sự quản lý của nhà nước. Bất chấp cuộc khủng hoảng tài chính-kinh tế trong khu vực, Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng GDP khoảng 7 phần trăm một năm trong giai đoạn 1996-2000.¹¹ Tăng trưởng kinh tế đã cho phép giảm nghèo nhanh, với tỷ lệ hộ sống dưới chuẩn nghèo đã giảm từ trên 60 phần trăm hồi đầu những năm 1990s xuống còn khoảng 32 phần trăm vào năm 2002.

Tăng trưởng kinh tế nhanh dẫn tới thay đổi trong cơ cấu nền kinh tế. Tỷ trọng của ngành nông nghiệp trong GDP đang giảm đều, trong khi tầm quan trọng của ngành công nghiệp và dịch vụ lại ngày một tăng, kéo theo đó là thay đổi về hình thái việc làm. Tuy nhiên, dù tăng trưởng kinh tế nhanh, Việt Nam vẫn phi đội phã với một số thách thức về việc làm, nhất là việc làm cho thanh niên. Sẽ khó đáp ứng mức tăng đều đặn về số người mới tham gia lực lượng lao động hàng năm bằng số tăng việc làm đủ lớn.

Thanh niên trong độ tuổi 15-24, tham gia các hoạt động kinh tế chiếm 25,2 phần trăm tổng lực lượng lao động của Việt Nam vào năm 1999.¹² Như vậy là đã giảm so với năm 1990 khi nhóm này chiếm tới 31,1 phần trăm. Lý do giải thích xu hướng này là tăng tỷ lệ nhập học ở mọi bậc học.

Tuy nhiên, dù tỷ lệ thanh niên trong lực lượng lao động giảm, số thanh niên tham gia lực lượng lao động hàng năm vẫn đang tăng. Sẽ cần có hành động chính trị nhằm tạo việc làm có ý nghĩa cho con số ước tính 1,4 triệu thanh niên tìm việc tham gia thị trường lao động hàng năm.

Lực lượng lao động thanh niên ở Việt Nam, 2000



Nguồn: Điều tra lao động việc làm Việt Nam 2000.¹³

Khoảng 30 phần trăm thanh niên có việc làm làm việc cho nhà nước và các hợp tác xã.¹⁴ Phần lớn số còn lại (67 phần trăm) chủ yếu làm việc đồng áng hé gia đình, và

thường thiếu việc làm, đồng thời có xu hướng gia tăng làm cho khu vực doanh nghiệp tư nhân trong nước tuy nhỏ nhưng đang tăng trưởng và là khu vực có tiềm năng lớn nhất về tạo việc làm. Khu vực ngoài quốc doanh, nhất là tư nhân trong nước, chiếm một tỷ lệ ngày càng cao về tạo việc làm ở Việt Nam, nhất là từ khi có Luật Doanh nghiệp mới.

Sự gia tăng các doanh nghiệp mới đăng ký sau khi thực hiện Luật Doanh nghiệp là một dấu hiệu quan trọng cho thấy tiềm năng đáng kể chưa được khai thác của doanh nghiệp tư nhân trong nước. Trong ba năm vừa qua ước tính có từ 1,3 tới 1,5 triệu việc làm mới trong các hộ kinh doanh, doanh nghiệp mới thành lập và mở rộng theo Luật Doanh nghiệp, đưa số việc làm trong khu vực tư nhân đạt bằng số việc làm trong các doanh nghiệp nhà nước¹⁶; số lao động làm trực tiếp trong doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh là 6 triệu người, chiếm hơn 16 phần trăm tổng lực lượng lao động.

Mặc dù gần 60 phần trăm các doanh nghiệp mới đăng ký tập trung ở các trung tâm đô thị, theo ước tính những đầu tư mới trong khu vực tư nhân trên khắp đất nước Việt Nam sẽ có tác động lớn về giảm nghèo. Cụ thể, Chính phủ đã xác định ưu tiên hỗ trợ cho việc thực hiện đầy đủ Luật Doanh nghiệp ở các tỉnh nông thôn. Về mặt này, hỗ trợ xây dựng năng lực cho các cơ quan cấp địa phương chịu trách nhiệm về phát triển khu vực doanh nghiệp tư nhân sẽ là một chiến lược quan trọng nhằm đảm bảo phân bổ việc làm đồng đều hơn ở Việt Nam.

4. Thất nghiệp và thiếu việc làm

Theo số liệu của cuộc điều tra lao động việc làm năm 2001, tỷ lệ thất nghiệp trong thanh niên Việt Nam là 5,9 phần trăm. Tỷ lệ này ở khu vực đô thị (13,7 phần trăm) cao gấp ba lần so với khu vực nông thôn (4,4 phần trăm) và tỷ lệ của thanh niên dưới 20 tuổi (6,7 phần trăm) cao hơn so với thanh niên từ 20 đến 24 tuổi (5,3 phần trăm). Nữ thanh niên thường bị thất nghiệp nhiều hơn so với nam thanh niên. Tỷ lệ thất nghiệp của nữ trong độ tuổi 15-24 là 7,1 phần trăm. Tỷ lệ thất nghiệp của nữ thanh niên ở vùng đô thị còn cao hơn – 18,5 phần trăm cho độ tuổi 15-19 và 13,1 phần trăm cho độ tuổi 20-24.

Tỷ lệ thất nghiệp thanh niên ở Việt Nam theo **khu vực đô thị nông thôn và nhóm tuổi, 2001**

Nhóm tuổi	Tổng	Đô thị	Nông thôn
15-19	6.7	16.5	5.5
20-24	5.3	12.4	3.5
15-24	5.9	13.7	4.4

Nguồn: Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Số liệu Thống kê Lao động - Việc làm ở Việt Nam 2001.

Dù có tăng trưởng kinh tế, tốc độ tạo việc làm không đủ để cung cấp cơ hội việc làm cho lực lượng lao động. Trái lại, tỷ lệ thất nghiệp ở Việt Nam trong giai đoạn 1996-1999 tăng trong đó tỷ lệ của nhóm tuổi 15-24 cao hơn của các nhóm tuổi khác.¹⁷

Giáo dục đào tạo được xem như là gii pháp để thoát khỏi tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm và nghèo đói. Tuy nhiên, bản thân các hệ thống giáo dục đang gặp phải thách thức từ những sự thay đổi nhanh chóng của nhu cầu thị trường lao động. Việt Nam,

cũng như nhiều nước trong khu vực, phải xem lại hệ thống giáo dục dạy nghề của mình để thúc đẩy học tập dài hạn và đa kỹ năng.

Tình trạng kỹ năng không phù hợp với việc làm trên thị trường lao động còn phổ biến. Nhiều kỹ năng trở nên lỗi thời do thay đổi trong cơ cấu sản xuất, công nghệ tiên tiến, và hình thức tổ chức công việc mới. Công nhân có kỹ năng lỗi thời cần phải được đào tạo lại. Đã hình thành một xu hướng mới ở Việt Nam. Giáo dục và đào tạo đang được thúc đẩy rộng rãi trong những ngành trước đây thiếu cung, như quản trị, luật sư, kinh tế và thư ký đến mức thị trường lao động tràn ngập những người được đào tạo những chuyên ngành đó, trong khi đó các ngành kỹ thuật và thủ công trước có thừa thì hiện lại đang thiếu.

Nhiều trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp đang chịu áp lực phải sắp xếp lại giáo trình đào tạo hướng tập trung nhiều hơn vào đào tạo kỹ năng để đáp ứng nhu cầu mới của thị trường lao động. Đảng Cộng sản Việt Nam đặt mục tiêu tăng tỷ lệ lao động được đào tạo từ 20 phần trăm của năm 2000 lên thành 40 phần trăm vào năm 2010, và tăng tỷ lệ cán bộ khoa học kỹ thuật bậc đại học từ mức 25 người trên một nghìn dân của năm 2000 lên thành 50 người trên một nghìn dân vào năm 2010.¹⁸ Với mục tiêu tăng gấp đôi những tỷ lệ quan trọng này trong vòng mười năm tới, chính phủ cam kết xây dựng chính sách nguồn nhân lực hữu hiệu và hiệu quả phục vụ cho quá trình cải cách thể chế và hội nhập quốc tế. Năng lực làm việc trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang chuyển đổi, sự tạo cung kỹ năng mới và tăng cường năng lực là trọng tâm chính để khuyến khích sự phát triển của khu vực doanh nghiệp và cải thiện hệ thống giáo dục đào tạo.

Trong khi đô thị có tỷ lệ thất nghiệp cao hơn, thì tình trạng thiếu việc làm lại trầm trọng hơn ở vùng nông thôn Việt Nam. Theo điều tra lao động việc làm năm 2001 có hơn 2 triệu thanh niên được xếp vào loại thiếu việc làm tính theo số ngày làm việc trong một năm.¹⁹ Tình hình theo phân chia về giới và theo 2 nhóm tuổi dưới 20 (15-19 tuổi) và từ 20 tuổi trở lên (20-24 tuổi) nói chung là như nhau. Phân bố giữa thành phố và nông thôn thì không giống nhau, với đại đa số (95 phần trăm) tập trung ở vùng nông thôn.

Theo số liệu điều tra lao động việc làm năm 2000 phần trăm lực lượng lao động thanh niên trong độ tuổi 15-24 thiếu việc làm (26,1 phần trăm) cao hơn nhiều so với số thất nghiệp (4,5 phần trăm). Tỷ lệ thanh niên có hoạt động kinh tế được ghi nhận là thiếu việc đạt mức cao nhất vào năm 1998 trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế châu á. Kể từ sau đó con số này đã giảm.

Ở Việt Nam, nông nghiệp thu hút phần lớn lao động trẻ, mặc dù con số này đang giảm. Dường như xu hướng là nữ và nam thanh niên sinh sống ở khu vực đô thị đăng ký là mình thất nghiệp, trong khi thanh niên nông thôn vẫn tham gia đồng áng nhưng số thiếu việc làm lại đông hơn số thiếu việc làm trong thanh niên đô thị.

Thiếu việc làm trong ngành nông nghiệp dẫn tới thừa cung lao động ở vùng nông thôn. Trừ phi phát triển được việc làm phi nông nghiệp tại các vùng nông thôn để tạo cơ hội việc làm, sự di cư từ nông thôn ra đô thị để tìm việc làm sẽ tiếp tục gây áp lực lên các thành phố. Công việc của những người di cư thường là không ổn định và không bền vững về mặt kinh tế. Do sự phát triển mới đây của các khu chế xuất cho các công ty nước ngoài ở các thành phố, một số lớn những người di cư trẻ được sử dụng để làm việc tại đó. Tuy nhiên, tính bền vững của những việc làm như vậy là vấn đề cần đặt câu hỏi và đã xảy ra một số trường hợp tranh cãi giữa người lao động và người sử dụng lao động.

5 Sự tham gia của thanh niên

Sự tham gia của thanh niên trong suốt lịch sử đã đóng vai trò không thể tách rời đối với sự phát triển của Việt Nam. Kể từ những năm 1930s, đã có các tổ chức đại diện cho quyền lợi và mối quan tâm của thanh niên như Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Liên đoàn Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh Viên Việt Nam và Hội các Doanh nghiệp Trẻ Việt Nam, đồng thời đại diện các tổ chức thanh niên cũng được mời dự các phiên họp chính phủ để thảo luận các vấn đề liên quan.

Việc lôi cuốn thanh niên tham gia vào quá trình phát triển kinh tế địa phương giúp củng cố tinh thần cộng đồng và trách nhiệm công dân, khuyến khích phát triển đô thị và nông thôn một cách tích cực. Bản thân thanh niên cần tham gia vào việc lập chính sách xúc tiến việc làm thanh niên và chiến lược phát triển kinh tế địa phương nói chung. Các nhà lập chính sách không những nên mời thanh niên tham gia ý kiến mà còn cần chủ động lắng nghe và có hành động dựa trên ý kiến của họ. Sự tham gia chủ động và có ảnh hưởng thực sự tạo ra tác động tích cực không chỉ ở chỗ con người cảm thấy mình gắn bó với cộng đồng, mà còn thể hiện cả ở tính chính đáng của chính sách và các chương trình, qua đó đảm bảo thành công của những chính sách và chương trình đó.

6 6 Khuyến nghị chính sách về phát triển việc làm thanh niên

Bốn ưu tiên hàng đầu trong kế hoạch hành động quốc gia

- **Khả năng làm việc – đầu tư vào giáo dục đào tạo, dạy nghề cho thanh niên**, tăng cường hiệu quả của những nguồn đầu tư đó;
- **Cơ hội bình đẳng – đem lại cho nữ thanh niên những cơ hội giống như** cho nam I thanh niên;
- **Khả năng kinh doanh – tạo điều kiện dễ dàng để khởi sự và vận hành doanh nghiệp** nhằm tạo việc làm nhiều và tốt hơn cho nữ và nam thanh niên và khuyến khích tự tạo việc làm;
- **Tạo việc làm – tạo việc làm là trọng tâm của chính sách kinh tế vĩ mô.**

Nguồn: Đại hội đồng Liên hợp quốc, khoá năm mươi sáu, mục 29 trong chương trình nghị sự, Tiếp nối kết quả cuộc họp Thượng đỉnh Thiên niên kỷ, Khuyến nghị của Ban cấp cao về Mạng lưới Việc làm Thanh niên, ngày 28 tháng Chín 2001.

Nâng cao khả năng làm việc

Xét trên bình diện toàn quốc, Việt Nam đã có cải thiện về trình độ học vấn của lực lượng lao động nhưng còn khoảng cách lớn giữa trình độ của lao động ở thành phố và lao động ở nông thôn.²⁰ Những thay đổi tích cực về trình độ giáo dục đã có tác động tốt cho đào tạo việc làm và xếp người đứng việc nhưng vẫn còn nhiều thách thức. Điều quan trọng đầu tiên là chính phủ cần tiếp tục củng cố cam kết phổ cập giáo dục từ bậc tiểu học tới bậc trung học. Cần chú ý xử lý sự chênh lệch về chất lượng giáo dục là yếu tố có thể làm trầm trọng thêm khoảng cách hiện tại trong khả năng tiếp cận các dịch vụ.

Thứ hai, có thể thay thế giáo trình đào tạo dạy nghề chuyên môn hoá cao hiện nay bằng mét cách tiếp cận cân bằng hơn, thuận lợi cho khả năng được tuyển dụng sau này. Việc dạy và học trên diện rộng theo các học phần đa ngành có thể tạo điều kiện dễ dàng hơn cho thanh niên thay đổi nghề nghiệp và nâng cấp kỹ năng trong suốt quá trình đi làm.

Có thể chú trọng hơn tới khái niệm học tập cả đời trong hệ thống giáo dục. Có thể cải tiến phương pháp dạy học, thường vẫn theo kiểu học gạo nhồi nhét một lượng lớn kiến thức. Cách học chủ động tích cực và giải quyết vấn đề có thể giúp sinh viên áp dụng kiến thức mới học được vào thực hành.

Thứ ba, hệ thống giáo dục quốc gia có thể sẽ tốt hơn nếu linh hoạt điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu về kỹ năng mới của thị trường lao động. Về điểm này các trường trung học và đại học cần duy trì quan hệ chặt chẽ với giới sử dụng lao động để đáp ứng nhanh nhạy nhu cầu của họ. Các cơ sở cung cấp dịch vụ việc làm có thể giúp làm cầu nối trong quá trình này. Mặt khác, các doanh nghiệp cũng có thể phê hợp chặt chẽ hơn trong công tác của các trường dạy nghề và trường đại học để giúp kinh phí tài trợ nghiên cứu nhằm cải thiện giáo trình.

Các thách thức hiện tại gồm cả những thách thức phát sinh từ tốc độ toàn cầu hoá và cạnh tranh ngày một tăng kết hợp với tác động của công nghệ thông tin liên lạc viễn thông. Giáo dục đào tạo thuần túy không thể tự mình đảm đương vai trò phương tiện duy nhất để tạo việc làm mà cần phải đi liền với các chính sách kinh tế vĩ mô và chiến lược giảm nghèo.

Đảm bảo bình đẳng giới

ở cấp độ toàn cầu đã có những tiến triển chính sách quan trọng trong những thập niên qua tiến tới bình đẳng giới. Trong tiến trình đó phụ nữ đã thu được những tiến bộ về cải thiện quyền độc lập kinh tế và tham gia lực lượng lao động. Tuy nhiên vẫn còn nhiều thách thức về thúc đẩy việc làm đáng hoàng và biến tiềm năng con người thành hiện thực cho tất cả mọi lao động bất kể giới tính. Trong số các vấn đề cần giải quyết có những vấn đề như tình trạng nghèo tập trung vào nữ, tác động khác nhau của HIV/AIDS, chênh lệch về thu nhập, phân biệt về ngành nghề, và tham gia bình đẳng trong việc ra quyết định. Cũng cần phải nỗ lực để xoá bỏ những khó khăn đang cản trở phụ nữ có gia đình được vay tín dụng nhỏ.

Cần đem lại cho nữ thanh niên đầy đủ các cơ hội việc làm chứ không chỉ hạn chế trong phạm vi những việc làm truyền thống với mức thù lao kém cỏi. ở Việt Nam, tỷ lệ nữ thanh niên làm trong ngành dịch vụ cao hơn so với nam thanh niên, trong khi nam giới thường tìm được việc làm trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp.²¹ Các cơ hội của ngành công nghệ thông tin và liên lạc viễn thông thường được xem như là đem lại cơ hội việc làm cho nữ thanh niên. Tuy nhiên, cần có những biện pháp cụ thể để tránh tình trạng chuyển hình mẫu phân biệt nghề nghiệp hiện nay vào trong nền kinh tế số. Đảm bảo tiếp cận bình đẳng mọi loại giáo dục đào tạo cũng như các tập quán tại nơi làm việc là những yếu tố cần được đáp ứng.

Liên hợp quốc luôn hợp tác với Chính phủ Việt Nam để thúc đẩy bình đẳng giới dưới nhiều cách khác nhau. Phần lớn công tác này liên quan tới các chính sách và quyết định tiếp theo Cam kết Hội nghị Bắc kinh và Kế hoạch Hành động, hiện đang trong giai đoạn hai.

Khả năng kinh doanh

Thúc đẩy sự phát triển của khu vực doanh nghiệp trong nước là một phần không thể tách rời trong chiến lược tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm thanh niên. Khuyến khích tự tạo việc làm thông qua khả năng kinh doanh tư nhân cần được xem là một phương tiện để tạo việc làm và nâng cao thu nhập, qua đó nâng cao mức sống cho các cộng đồng. Thanh niên có nhiều khả năng tạo ra và thúc đẩy các doanh nghiệp sáng tạo và qua đó sử dụng lao động những thanh niên khác. Hỗ trợ tài chính của chính phủ, chuyển giao công nghệ và bí quyết kinh doanh là những điều cần thiết để hỗ trợ cho những nỗ lực như vậy. Phát triển doanh nghiệp đòi hỏi phải có một môi trường pháp lý quy định thuận lợi. Cũng cần cải thiện khả năng tiếp cận ví tyn đông của thanh niên. Hiện nay gần 70 phần trăm các doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn dựa vào gia đình và bạn bè để vay vốn khởi nghiệp.

Các doanh nghiệp trẻ cũng còn thiếu trình độ và kỹ năng để đáp ứng sự tăng trưởng nhanh chóng của khu vực tư nhân. Có thể mở rộng các chương trình của ILO như Khởi sự Doanh nghiệp và Tăng cường Khả năng Kinh doanh, được đưa đến với các vùng xa xôi qua đài phát thanh và truyền hình. Hỗ trợ cho các dịch vụ phát triển doanh nghiệp và quan hệ đối tác giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân cũng cần được củng cố, cả từ phía nhà nước và từ phía các doanh nghiệp nước ngoài và trong nước.

Các cơ quan Liên hợp quốc có thể phối hợp với các hiệp hội doanh nghiệp và công đoàn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc khởi sự và mở rộng doanh nghiệp, đồng thời ủng hộ và củng cố các tiêu chuẩn lao động.

Tạo việc làm

Cần có một cách tiếp cận tổng hợp với các chính sách kết hợp khuôn khổ kinh tế vĩ mô ổn định, với phát triển xã hội có lợi cho các nhóm bị cô lập và dễ tổn thương nhằm tạo việc làm đáng hoàng với mức lương thoả đáng cho thanh niên. Chính sách tạo việc làm cho thanh niên phải là một phần trong chiến lược kinh tế vĩ mô tổng thể được thiết kế nhằm kích thích tăng trưởng, việc làm và sự công bằng. Để làm được như vậy đòi hỏi phải có cam kết chính trị mạnh mẽ của các nhà lãnh đạo cấp trung ương. Có nâng cao khả năng để được tuyển dụng đến mấy cũng bằng thừa nếu không có việc làm. Mặt khác cũng không thể đạt được tăng trưởng nếu người lao động không được đào tạo theo đúng nhu cầu của thị trường lao động.

Tóm lại, Liên hợp quốc khuyến nghị Chính phủ Việt Nam thực hiện chính sách quốc gia về việc làm cho thanh niên với những mục tiêu ngắn, trung và dài hạn được xác định rõ ràng đi kèm với luật pháp và chương trình hỗ trợ rõ ràng. Các mục tiêu ngắn hạn là phòng chống thất nghiệp và thiếu việc làm và giúp người tìm việc tìm được việc làm mới đồng thời cung cấp hỗ trợ thu nhập tạm thời cho họ trong thời gian chuyển đổi. Về trung hạn, mục tiêu chính là kích thích cầu về lao động trẻ bằng cách điều chỉnh sự mất cân bằng trong nền kinh tế; tạo môi trường kinh doanh sôi động; nâng cấp nguồn vốn con người; đảm bảo mức lương và thu nhập hợp lý và giảm nghèo. Mục tiêu dài hạn là thúc đẩy tiếp cận việc làm bình đẳng cho cả phụ nữ và nam giới mong muốn làm việc, trả mức lương bình đẳng tương ứng với việc làm bình đẳng, bất kể tuổi tác, giới tính, nguồn gốc sắc tộc và địa vị xã hội.

Thông qua việc thực hiện một chính sách quốc gia về việc làm cho thanh niên như vậy Chính phủ Việt Nam sẽ làm được nhiều cho việc đảm bảo thanh niên Việt Nam đóng vai trò tích cực hướng tới hoàn thành Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ.

7. Tài liệu tham khảo

Việc làm cho Thanh niên Việt Nam: Tình hình và Giải pháp, tài liệu của Đoàn Thanh niên Việt Nam soạn cho Hội nghị khu vực ba bên ILO/Nhật bản về Việc làm Thanh niên khu vực châu á Thái Bình Dương, Bangkok, ngày 27 tháng Hai – 1 tháng Ba 2002.

Thanh niên Việt Nam, Đánh giá tình hình thanh niên và chính sách, chương trình quốc gia, Ủy ban Kinh tế Xã hội Liên hợp quốc khu vực châu á Thái Bình Dương, Liên hợp quốc, New York, 2000.

Thực hiện Tuyên bố Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc, Báo cáo của Tổng Thư ký Liên hợp quốc, ngày 31 tháng Bảy 2002.

Nghị quyết của Đại hội đồng Liên hợp quốc về Xúc tiến Việc làm Thanh niên, Liên hợp quốc, New York, 17 tháng Mười 2002.

Điều tra về Lao động và Việc làm ở Việt Nam, năm 2000 và 2001, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Việt Nam.

Chiến lược Phát triển Thanh niên tới năm 2010, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quyết định số 70/2003/QĐ-TTg ngày 29 tháng Tư 2003.

Dù tho báo cáo đánh giá ba năm thực hiện Luật Doanh nghiệp, Viện Quản lý Kinh tế Trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2003